TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2023/HNGĐ-ST
Ngày : 12/01/2023
V***/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình”***.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Thông
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hồng Phương
Ông Nguyễn Đức Kha

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà*:* Ông Đặng Văn Thìn - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 12/01/2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 236/2022/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2022 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 195/2022/QĐXX-ST ngày 06/12/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 164/2022/QĐ-ST ngày 26/12/2022 giữa các đương sự:

***Nguyên đơn**: Anh Lê Quang S; Sinh năm : 1984 (vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn B, xã K, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

***Bị đơn**: Chị Phùng Thị N; Sinh năm : 1992 (vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn B, xã K, huyện L, tỉnh Bắc Giang.
Hiện đang lao động tại nước ngoài.

Địa chỉ cuối cùng của chị Phùng Thị N ở Việt Nam là Thôn B, xã K, huyện L, tỉnh Bắc Giang**.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và bản tự khai ngày 16/11/2022 Nguyên đơn anh Lê Quang S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân : Anh và chị Phùng Thị N có đăng ký kết hôn ngày 19/01/2016 với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Kiên Thành, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống với nhau tại gia đình tôi. Vợ chồng chung sống với nhau hòa thuận, hạnh phúc được một thời ngắn thì chị N đi lao động tại nước ngoài, chị N đi được 03 năm thì về nhà được 20 ngày lại đi sang nước ngoài lao động tiếp và từ đó đến nay chưa về nước. Kể từ khi chị N đi sang nước ngoài lao động thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng sống xa cách nhau lâu ngày, bất đồng quan điểm sống vợ chồng đã sống ly thân đến nay là 7 năm vợ chồng không còn quan tâm và liên lạc gì với nhau nữa. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, tôi đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang giải quyết cho anh được ly hôn với chị Phùng Thị N

Về con chung: Vợ chồng anh chị có 01 con chung là cháu Lê Quang H, sinh ngày 13/12/2015 hiện nay cháu đang ở cùng anh. Ly hôn anh đề nghị được nuôi dưỡng cháu Lê Quang H. Về cấp dưỡng nuôi con anh không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con cho anh.

Ngoài ra anh S còn trình bày: Hiện nay chị N vẫn đang lao động ở nước ngoài, địa chỉ cụ thể của chị N ở nước ngoài anh không cung cấp được cho Tòa án được vì anh không liên lạc được với chị N, chị N vẫn liên lạc về cho bố đẻ chị N là ông Phùng Văn T, SN 1963, trú tại: Thôn B, xã K, huyện L, tỉnh Bắc Giang, nhưng ông T cũng không cung cấp địa chỉ cho chị biết nên anh không biết để cung cấp cho Tòa án.

Do tính chất công việc nên anh không thể tham gia được các phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình giữa anh và chị N được, nên anh đề nghị Tòa án cho anh được vắng mặt trong các phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa anh và chị N.

Tại đơn trình bày cháu Lê Quang H trình bày: Cháu là con của bố Lê Quang S và mẹ Phùng Thị N, hiện nay cháu đang ở cùng với bố cháu là Lê Quang S. Nếu bố mẹ cháu ly hôn thì nguyện vọng của cháu xin được ở với bố cháu là Lê Quang S.

Bị đơn chị Phùng Thị N không có bản tự khai.

Ngày 18/11/2022 và ngày 24/11/2022 Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã tiến hành làm việc với bố đẻ chị Phùng Thị N là ông Phùng Văn T, sinh năm 1963,

trú tại: Thôn B, xã K, huyện L, tỉnh Bắc Giang để giao thông báo thụ lý vụ án và yêu cầu ông T thông báo cho chị N biết về việc Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đang thụ lý vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa anh Lê Quang S và chị Phùng Thị N; yêu cầu chị N viết bản tự khai, lời khai về cho Tòa án; yêu cầu ông T cung cấp địa chỉ cụ thể của chị N ở nước ngoài. Tuy nhiên qua 2 lần làm việc ông T vẫn giữ nguyên quan điểm là chị N ở nước ngoài vẫn thường xuyên liên lạc về cho gia đình nhưng ông không cung cấp địa chỉ cụ thể của chị N ở nước ngoài cho Tòa án, vì đây là việc cá nhân của chị N, đồng thời ông cũng không đồng ý thực hiện theo yêu cầu của Tòa án thông báo cho chị N biết để chị N gửi lời khai về. Kể từ đó đến nay, Tòa án cũng không nhận được bất kỳ lời khai nào của chị N gửi về.

Tại phiên tòa nguyên đơn anh Lê Quang S vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin xét xử vắng mặt. Chị Phùng Thị N vắng mặt không có lý do.

Thay mặt Hội đồng xét xử thông qua đơn khởi kiện, bản tự khai của anh Lê Quang S; Biên bản làm việc với bố đẻ chị N là ông Phùng Văn T và thông qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu về việc tuân theo pháp luật về tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn anh Lê Quang S có đơn xin xét xử vắng mặt thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn chị N không có địa chỉ cụ thể ở nước ngoài Tòa án đã niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng đối với chị N; Căn cứ vào công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao xử vắng mặt chị Phùng Thị N là đúng.

-Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng điều 51, 53, 56; Điều 81, 82, 83 và khoản 2 điều 123; điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 điều 28; khoản 3 điều 35; điểm c khoản 1 điều 37; khoản 4 điều 147; điều 271; điều 273; điều 150; khoản 2 điều 479 BLTTDS; khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTBVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Quang S.

Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Lê Quang S được ly hôn chị Phùng Thị N.

Về nuôi con chung: Giao con chung là cháu Lê Quang H, sinh ngày 13/12/2015 cho anh Lê Quang S là người trực tiếp nuôi dưỡng. Cấp dưỡng nuôi con không đặt ra do anh S không yêu cầu. Chị Phùng Thị N có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở chị N thực hiện quyền này.

Về án phí : Anh Lê Quang S phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên toà. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. **Về thủ tục tố tụng**: Anh Lê Quang S là nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt anh Lê Quang S.

Đối với bị đơn chị Phùng Thị N vắng mặt tại phiên tòa: Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã tiến hành làm việc với bố đẻ chị N là ông Phùng Văn T để giao thông báo thụ lý vụ án, yêu cầu ông T thông báo cho chị N biết về việc Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đang thụ lý vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa anh Lê Quang S và chị Phùng Thị N; Yêu cầu chị N viết bản tự khai, lời khai về cho Tòa án; Yêu cầu ông T cung cấp địa chỉ cụ thể của chị N ở nước ngoài. Ông Phùng Văn T trình bày: Chị N ở nước ngoài vẫn thường xuyên liên lạc về cho ông. Tuy nhiên, Tòa án đã yêu cầu đến lần thứ hai mà ông T vẫn không cung cấp địa chỉ, tin tức của chị N cho Tòa án, cũng như không chịu thực hiện yêu cầu của Tòa án thông báo cho chị N biết. Nhận thấy đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cho bị đơn theo quy định của pháp luật. Vì vậy, căn cứ vào Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao; khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn chị N theo thủ tục chung.

[2].Về thẩm quyền: Anh Lê Quang S là nguyên đơn có đơn xin ly chị Phùng Thị N, chị N hiện đang lao động tại nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ (theo Công văn số 25076/QLXNC-P5 ngày 22/11/2022 của Cục Quản lý xuất nhập cảnh - Bộ công an), thì chị N đã xuất nhập cảnh 05 lần, lần xuất cảnh gần nhất là ngày 17/9/2019 hiện chưa có thông tin nhập cảnh trở lại, địa chỉ cuối cùng của chị N ở Việt Nam là: Thôn B, xã K, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Như vậy, đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình có đương sự ở nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[**3]. Về quan hệ Hôn nhân**: Anh Lê Quang S và chị Phùng Thị N kết hôn ngày 19/01/2016 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Kiên Thành, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Theo anh S trình bày: Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống với nhau tại gia đình tôi. Vợ chồng chung sống với nhau hòa thuận, hạnh phúc được một thời ngắn thì chị N đi lao động tại nước ngoài, chị N đi được 03 năm thì về nhà được 20 ngày lại đi sang nước ngoài lao động tiếp và từ đó đến nay chưa về nước. Kể từ khi chị N đi sang nước ngoài lao động thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng sống xa cách nhau lâu ngày, bất đồng quan điểm sống vợ chồng đã sống ly thân đến nay là 7 năm vợ chồng không còn quan tâm và liên lạc gì với nhau nữa. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, anh đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang giải quyết cho anh được ly hôn với chị Phùng Thị N

Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Lê Quang S. Hội đồng xét xử thấy: Sau khi kết hôn anh S và chị N chung sống với nhau hạnh phúc được một thời gian ngắn thì chị N đi xuất khẩu lao động, kể từ khi chị N đi xuất khẩu lao động thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng về quan điểm sống và vợ chồng sống xa nhau đã lâu ngày đến nay vợ chồng không còn liên lạc với nhau không còn quan tâm đến nhau nữa. Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa anh S và chị N đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Quang S. Xử cho anh Lê Quang S được ly hôn với chị Phùng Thị N.

[**4]. Về con chung**: Anh Lê Quang S và chị Phùng Thị N có 01 con chung là cháu Lê Quang H, sinh ngày 13/12/2015. Hiện nay cháu H đang ở với anh S, ly hôn anh S đề nghị được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con cho anh.

Xét yêu cầu nuôi con chung của anh S: Hội đồng xét xử thấy hiện nay chị N đang lao động tại nước ngoài không thể trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Chị Phùng Thị N từ khi đi nước ngoài thì cháu Lê Quang H vẫn do anh S là người trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc, cháu phát triển bình thường về thể chất và tinh thần, được đi học đầy đủ. Do đó Hội đồng xét xử áp dụng điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu của anh Lê Quang S về nuôi con chung. Giao cho anh Lê Quang S là người trực tiếp trông

nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Lê Quang H, sinh ngày 13/12/2015 đến khi con chung đủ 18 tuổi là phù hợp với điều kiện thực tế cũng như quyền và lợi ích về mọi mặt của con chung. Sau khi ly hôn chị Phùng Thị N có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở chị N thực hiện quyền này.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do anh S không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] .Về tài sản, công nợ: Anh Lê Quang S không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6]. Về án phí: Anh Lê Quang S phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng dân sự; và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

[7]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 81; 82; 83 và khoản 2 Điều 123; Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; khoản 3 điều 153; Điều 271; Điều 273; khoản 2 Điều 479 Bộ Luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án; xử:

1.Về hôn nhân: Cho anh Lê Quang S được ly hôn với chị Phùng Thị N.

2.Về con chung: Giao cho anh Lê Quang S là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Lê Quang H, sinh ngày 13/12/2015 đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Chị Phùng Thị N có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở chị N thực hiện quyền này.

Trường hợp chị Phùng Thị N về Việt Nam có nguyện vọng nuôi con chung hoặc vì quyền lợi chính đáng của con chung, các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng vụ án khác theo quy đinh tại Điều 84 Luật hôn nhân gia đình.

3.Về án phí: Anh Lê Quang S phải nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0000717 ngày 16/11/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận anh Lê Quang S đã nộp đủ.

4.**Về quyền kháng cáo bản án**: Anh Lê Quang S vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được tống đạt Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định.

Chị Phùng Thị N hiện đang ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa có thời hạn kháng cáo Bản án là 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Án xử công khai sơ thẩm.

Nơinhận:
-VKSND tỉnh Bắc Giang;
-Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
-UBND xã Kiên Thành, Lục Ngạn, Bắc Giang.
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ vụ án;
-Lưu Tổ HCTP**.**

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Trung Thông